

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 20-02-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Lệ Uyên

2. Ông Nguyễn Chí Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2018/TLPT- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 1685/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận GV, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2019/QĐPT - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1969

Địa chỉ: số 926/36 đường NK, Phường B, quận GV, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Nhà không số, đường TL29, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố H. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1961

Địa chỉ: số 926/36 đường NK, Phường B, quận GV, Thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, bà Lê Thị H - nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, quận GV, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2004, quyền số 01/91 ngày 19.7.1991 có 02 con chung tên Nguyễn Lê T, sinh ngày 22.02.1992 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 20.4.2001.

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị H thì cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông V không hạnh phúc nguyên nhân do ông V chỉ lo công việc và kiếm tiền về giao hết cho bà, không quan tâm chăm sóc vợ. Năm 2005, ông V có người phụ nữ khác bên ngoài, sau khi bị bà phát hiện thì ông mới quan tâm nhiều đến vợ nên vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V phát hiện trong điện thoại của bà có những tin nhắn yêu đương với người bạn nam. Sau khi sự việc xảy ra, ông V đã gọi điện thông báo cho mẹ và cơ quan của bà để thông báo việc bà ngoại tình.

Do bị chồng và con trai đánh nên từ đầu năm 2018 bà thuê nhà ở với người bạn nam để thuận tiện cho công việc, ông V đã nhiều lần thuê người đến đánh bạn nam này nhưng do sợ ảnh hưởng đến gia đình nên bà không thông báo cho chính quyền địa phương biết.

Về con chung: Bà H yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Thanh T cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con 02 bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Ông Nguyễn Văn V – bị đơn trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời điểm kết hôn. Tuy nhiên, ông V cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng sau đó cùng ngồi lại nói chuyện nên không có gì là trầm trọng như lời trình bày của bà H; vợ ông là người có cá tính mạnh mẽ nếu không hiểu nhau thì vợ chồng không thể sống chung với nhau được hơn 27 năm, đi lên từ khó khăn. Năm 2005, bà H thấy ông ngồi trong quán nước với bạn nên hiểu lầm và ghen tuông nhưng sau khi nghe ông giải thích thì vợ chồng vui vẻ, chung sống hạnh phúc.

Đầu năm 2018, bà H nghe theo sự lôi kéo nên đã ra ngoài thuê nhà ở

chung với chồng của người bạn thân, sau khi sự việc xảy ra ông đã nhờ mẹ vợ và cơ quan của vợ khuyên nhủ để bà H quay về, vợ chồng cùng lo cho cháu Nguyễn Thanh T, hiện cháu đang học lớp 11 và đã bỏ học từ lúc bà H dọn ra ngoài ở riêng đến nay.

Về con chung: Nếu phải ly hôn, ông V đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh T, việc cấp dưỡng nuôi con 02 bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 1685/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân quận GV đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 72 Luật Hôn nhân và Gia đình,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H với ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên về con chung không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20.11.2018 bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị H không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên kháng cáo với lý do quan hệ hôn nhân giữa bà và ông V không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ly hôn là cần thiết.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn V không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố H đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận; các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị H còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Qua lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đồng thời xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông V có bất đồng quan điểm nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ; bên cạnh đó, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận GV thì cuộc sống hôn nhân của bà H và ông V bình thường, không có mâu thuẫn trầm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị H phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/91 ngày 19.7.1991 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận GV, Thành phố H thì hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn V là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét kháng cáo của bà Lê Thị H về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, bà H và ông V chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng chỉ xảy ra từ đầu năm 2018 xuất phát từ việc bà H có những tin nhắn yêu đương với một người bạn nam sau đó thì dọn ra ngoài thuê nhà ở chung với người bạn này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cho rằng bà dọn ra ngoài ở là để thuận tiện cho việc làm giò chả, do ông V hiểu không đúng

nên đã thông báo cho họ hàng và nơi làm việc cho rằng bà theo trai sau đó bà còn bị ông V và con trai đánh, đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc bà gửi đơn ly hôn; tuy nhiên, bà H không có chứng cứ để chứng minh, phía ông V thì không thừa nhận có sự việc này nên không có cơ sở xác định có hành vi xúc phạm đến danh dự, uy tín cũng như hành vi bạo lực gia đình. Mặt khác, như trình bày của ông V cùng kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 3, quận GV thì mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu xuất phát từ sự hiểu lầm, không trầm trọng, ông V vẫn chăm làm việc kiếm tiền lo cho cuộc sống gia đình, chưa có chứng cứ nào cho thấy thật sự vợ chồng không thể hàn gắn; bên cạnh đó, ông V và bà H còn có 01 con chung chưa trưởng thành tên Nguyễn Thanh T, cháu là trẻ gái nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, trong thời gian bà H ra ngoài sống sau đó nộp đơn yêu cầu ly hôn trẻ T do bị ảnh hưởng đã bỏ dở chuyện học hành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông V chưa đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên cần tạo cơ hội cho cả 02 có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau phối hợp với nhà trường để trẻ T trở lại trường và tiếp tục việc học, vợ chồng cùng chăm lo, giáo dục con chung trở thành người có ích cho xã hội; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1685/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận GV.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001488 ngày 23.11.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV. Bà H không phải nộp thêm án phí phúc thẩm.

3. Những nội dung khác trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao, VKSND tối cao;
- TAND cấp cao, VKSND cấp cao;
- VKSND TP.H;
- TAND Q.GV;
- THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp TP.H;
- Lưu VT, lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan

THẨM

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Chi Cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

